

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

✍ NGUYỄN THỊ HUYỀN*

Ngày nhận: 10/3/2022

Ngày phản biện: 28/4/2022

Ngày duyệt đăng: 18/5/2022

Tóm tắt: Phụ nữ luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Với hoạt động nghiên cứu khoa học, các nữ khoa học gia cũng đã khẳng định được vai trò của mình. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả phân tích vai trò của phụ nữ trong nghiên cứu khoa học và đề xuất một số giải pháp để nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học vinh quang nhưng cũng nhiều khó khăn thử thách trong công việc, gia đình và xã hội.

Từ khóa: Vai trò; phụ nữ; nghiên cứu khoa học.

THE ROLE OF WOMEN IN SCIENTIFIC RESEARCH

Abstract: Women have always played an important role in the socio-economic development of any country in the world. With scientific research activities, female scientists have also confirmed their roles. Within the framework of the article, the author will analyze the role of women in scientific research and propose some solutions to enhance the role of women in the glorious but also difficult field of scientific research. challenges at work, family and society.

Keywords: Role; women; scientific research.

1. Đặt vấn đề

Sự hiện diện của phụ nữ trong khoa học kéo dài từ thời kỳ đầu của lịch sử khoa học, trong đó họ đã có những đóng góp đáng kể. Các nhà sử học quan tâm đến giới và khoa học đã nghiên cứu những nỗ lực, thành tựu khoa học của phụ nữ cũng như những rào cản mà nữ giới phải đối mặt khi cố gắng hiến cho nghiên cứu khoa học cho đến khi họ được đồng nghiệp đánh giá và chấp nhận. Để thế giới công nhận vai trò trong nghiên cứu khoa học, những nữ khoa học gia đã trải qua rất nhiều định kiến. Thế kỷ 11 chứng kiến sự xuất hiện của các trường đại học đầu tiên; phần lớn phụ nữ bị loại ra khỏi giáo dục đại học [2]. Tuy nhiên, ở phương Tây - nơi phụ nữ được ủng hộ quyền bình đẳng, đã dần khẳng định sự đóng góp của mình vào lĩnh vực y học. Sau đó nữ giới tiếp tục nâng cao vai trò của mình trong giới hàn lâm và thực vật học. Các nữ khoa học gia rất ý thức được vai trò của mình, không chỉ trong nghiên cứu khoa học mà còn ở phương diện kêu gọi sự ủng hộ và sự công nhận đối với những đóng góp của nữ giới trong nghiên cứu khoa học hàn lâm. Người phụ nữ đầu tiên được biết đến như một học giả khoa học hàm lâm công tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học là nhà khoa học người Ý thế kỷ XVIII Laura Maria Caterina Bassi Veratti [5].

Vai trò giới chủ yếu mang tính xác định vào thế kỷ thứ XVIII và phụ nữ đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong khoa học. Trong suốt thế kỷ XIX, phụ nữ bị loại khỏi hầu hết các nền giáo dục khoa học chính thức, nhưng họ bắt đầu được nhận vào các xã hội uyên bác trong thời kỳ này. Vào cuối thế kỷ XIX, sự nổi lên của các trường đại học nữ đã cung cấp việc làm cho các nhà khoa học nữ và các cơ hội học tập. Trong các nữ khoa học gia nổi tiếng thời kỳ này, phải kể đến nhà khoa học sinh ra ở Warsaw, Ba Lan, Marie Curie. Bà là người mở đường cho các nhà khoa học nghiên cứu sự phân rã phóng xạ và khám phá ra các nguyên tố radium và polonium [1]. Là một nhà vật lý và hóa học, bà đã tiến hành nghiên cứu tiên phong về phân rã phóng xạ, là người phụ nữ đầu tiên nhận giải Nobel Vật lý và trở thành người đầu tiên nhận giải Nobel Hóa học lần thứ hai [3]. Đây là sự khẳng định vững chắc cho vai trò của phụ nữ đối với nghiên cứu khoa học quốc tế.

Tại Việt Nam, vai trò của nữ giới luôn được coi trọng trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Điều này phần nào được thể hiện ở sự ghi nhận và vinh danh các nữ khoa học gia qua Giải thưởng Kovalevskaia - giải thưởng giành

* Trường Đại học Công đoàn

riêng cho các nữ khoa học. Các giải thưởng Kovalenskaia đầu tiên được trao vào Hội nghị Đông Nam Á về Phụ nữ trong Khoa học ở các nước đang phát triển năm 1987 và Quỹ Kovalenskaia đồng tài trợ với Hội Phụ nữ Việt Nam. Cũng trong hội nghị đó, Hội phụ nữ Việt Nam đã tuyên bố kế hoạch xây dựng một bảo tàng phụ nữ (Bảo tàng Phụ nữ hiện nay - một trong những bảo tàng về phụ nữ đầu tiên trên thế giới). Hội phụ nữ Việt Nam đã điều phối giải thưởng Kovalenskaia ở Việt Nam trong suốt hơn 30 năm qua. Vào năm 2011, Hội Phụ nữ Việt Nam bắt đầu ủng hộ cho Hội Nữ Trí thức Việt Nam mà người sáng lập là Giáo sư hóa sinh Phạm Thị Trân Châu - chủ nhân giải thưởng Kovalenskaia năm 1988, từ đó đến nay, giải thưởng vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ghi nhận và vinh danh những người phụ nữ ưu tú có đóng góp to lớn trong lĩnh vực khoa học.

Có thể nói, vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, các nữ khoa học gia đang gặp phải những khó khăn như thế nào và các giải pháp để các nhà khoa học nữ phát huy được năng lực của mình là điều mà nữ khoa học gia nói riêng và giới khoa học hàn lâm nói chung rất quan tâm, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập toàn cầu như hiện nay.

2. Thực trạng vai trò của phụ nữ trong nghiên cứu khoa học

Theo báo cáo của UNESCO (2020), sự tham gia của nữ giới vào khoa học có chênh lệch lớn ở các quốc gia khác nhau. Ví dụ, ở Liên minh châu Âu, chỉ một phần ba (33%) nhà nghiên cứu là phụ nữ. Ở một số quốc gia có kỹ thuật phát triển, tỉ lệ nữ chuyên gia cũng không nhiều, ví dụ như Đức, tỉ lệ nữ khoa học gia chỉ chiếm 14%. Ở Đông Nam Á, các nhà nghiên cứu về phụ nữ đã đạt được tỷ lệ gần ngang bằng (44%). Ở Nhật Bản và Hàn Quốc, hai quốc gia có mật độ nghiên cứu cao và sự tinh vi về công nghệ, chỉ có 15% và 18% số nhà nghiên cứu là phụ nữ. Đây là tỷ lệ thấp nhất trong các thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế. Tuy nhiên ở khu vực Đông Nam Á, phụ nữ rất được coi trọng trong nghiên cứu khoa học. Báo cáo đã cho thấy tỉ lệ nhà khoa học nữ chiếm 52% trong số các nhà nghiên cứu ở Philippines và Thái Lan, gần tương đương ở Malaysia và Việt Nam [4]. Điều này cho thấy, Việt Nam rất coi trọng sự đóng góp của phụ nữ vào sự phát triển của khoa học.

Trong những năm qua, số lượng phụ nữ tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ngày một tăng lên cả về số lượng và chất lượng, phụ

nữ ngày càng có nhiều đóng góp to lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước. Các nữ khoa học ở Việt Nam cũng ngày càng khẳng định trí tuệ, bản lĩnh trong lĩnh vực khoa học bằng các công trình nghiên cứu chất lượng và các công bố quốc tế trên các tạp chí khoa học uy tín thế giới, điển hình là PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm - Giảng viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã nghiên cứu thành công hàng chục giống lúa lai có giá trị hàng tỷ đồng; GS.TS. Lê Mai Hương - Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ với sản phẩm Bioglucumin và Bioglucumin G đã đoạt giải vàng, giải bạc tại triển lãm quốc tế Phụ nữ sáng tạo và sở hữu trí tuệ năm 2018 của Hiệp hội các nhà nữ sáng chế của Hàn Quốc [6]. Luật Bình đẳng giới 2006 [7] đã tạo tiền đề cho những nỗ lực của phụ nữ, đặc biệt nghiên cứu khoa học là một trong tám lĩnh vực của mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới, do vậy trên lĩnh vực này, các nhà khoa học nữ có điều kiện phát huy khả năng của mình. Cụ thể, Điều 15, Luật Bình đẳng giới 2006 đã quy định:

"Điều 15. Bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ.

2. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát minh, sáng chế."

Thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học có rất nhiều những tiến bộ khoa học công nghệ được khai thác, chuyển giao tới các cơ sở sản xuất, cộng đồng và toàn xã hội. Những nghiên cứu đó đã đóng góp cho các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội: quản lý, sản xuất nông nghiệp, thực phẩm, dược phẩm, hóa học, giáo dục, môi trường, an sinh xã hội... Kết quả của các hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động, đổi mới sáng tạo, tích cực thu hút đầu tư, tạo việc làm, thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật và phát triển đời sống kinh tế đất nước.

Tuy nhiên, dù có nhiều nỗ lực nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong khoa học và công nghệ, phụ nữ vẫn chưa được đại diện trong các lĩnh vực được gọi là STEM gồm khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học. Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong số tất cả sinh viên tốt nghiệp đại học vào năm 2020, nam sinh tốt nghiệp ngành công nghệ thông tin cao gấp 3,9 lần so với nữ. Tỷ lệ nữ

tham gia nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế còn thấp hơn nhiều so với nam giới. Chỉ có 20% các chương trình quan trọng quốc gia về khoa học và công nghệ do phụ nữ làm chủ nhiệm [9].

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, mặc dù phụ nữ rất nỗ lực trong nghiên cứu khoa học nhưng để khẳng định vai trò của mình, các nữ khoa học cần vượt qua một số rào cản như:

Thứ nhất, phụ nữ gặp phải khó khăn khi cân đối thời gian dành cho khoa học

Dù ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, người phụ nữ đều thực hiện thiên chức vĩ đại, đó là làm mẹ. Chính vì vậy, dù nhiều, dù ít, các nữ khoa học gia đều phải dành nhiều thời gian cho gia đình hơn so với nam giới. Phụ nữ phải đương đầu với những khó khăn để cân bằng giữa đời sống gia đình và công việc xã hội. Đặc biệt với cán bộ nữ trẻ, khó khăn càng nhiều hơn khi có con nhỏ và kinh tế gia đình chưa ổn định, rất khó dành tâm huyết cho công tác nghiên cứu khoa học. Trong thời gian này, nhiều cán bộ nữ bị quá tải về sức lực, thiếu thời gian nghỉ ngơi, trau dồi kiến thức, cập nhật thông tin; gánh nặng gia đình làm giảm sút sự thăng tiến, vươn lên của họ, tạo cho họ tâm lý an phận, ít nỗ lực phấn đấu và không có thời gian tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy, các công trình khoa học của các nữ khoa học gia trẻ là không nhiều. Để có thể hoàn thành một công trình khoa học, người phụ nữ phải rất nỗ lực, bỏ đi thời gian chăm sóc bản thân để nghiên cứu và về lâu dài lại ảnh hưởng tới sức khỏe nên khó có sức bền trong nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, vẫn còn định kiến về giới tính đối với nữ khoa học gia

Chính vì thời gian dành cho nghiên cứu khoa học bị hạn chế, dẫn đến số lượng công trình nghiên cứu khoa học không nhiều bằng nam giới cũng như đại diện các nữ khoa học nổi bật không nhiều bằng các nhà khoa học là nam giới. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến định kiến về giới tính đối với các nữ khoa học. Sự khác biệt về giới là một yếu tố cơ bản khiến người phụ nữ nghiên cứu khó khăn hơn nam giới. Mặc dù về trí tuệ không có ai cho rằng phụ nữ thua kém đàn ông nhưng nhìn toàn diện, phụ nữ có thể lực không bằng nam giới lại mang trên vai nỗi lo gia đình, đặc biệt trong xã hội hiện đại, người phụ nữ cũng phải gánh nỗi lo kinh tế. Chính vì vậy, có một số nhà khoa học nam giới cho rằng phụ nữ không thể đủ sức bền để nghiên cứu khoa học. Định kiến này

cũng là rào cản lớn đối với phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ trẻ khi theo đuổi lý tưởng khoa học.

3. Giải pháp nâng cao vai trò của phụ nữ trong nghiên cứu khoa học

Để thành công trong lĩnh vực khoa học, phụ nữ phải vượt qua những thành kiến tinh tế thiên vị đàn ông. Những rào cản đối với sự thành công này dẫn đến tỷ lệ phụ nữ tham gia khoa học và cống hiến cho khoa học chưa thực sự cao. Mặc dù vậy, trong xã hội tiên tiến, vẫn có rất nhiều sự giúp đỡ, động viên, khuyến khích dành cho phụ nữ trong nghiên cứu khoa học.

Để khẳng định vai trò của phụ nữ trong khoa học, cần có sự hỗ trợ từ chính phủ, từ đồng nghiệp, gia đình và từ chính nữ khoa học gia. Cụ thể:

- Hoàn thiện chính sách khuyến khích phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học. Xây dựng thể chế và hành lang pháp lý khuyến khích phụ nữ tham gia nghiên cứu và cống hiến trên lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Đây là sự ghi nhận và khuyến khích to lớn đối với phụ nữ, là động lực để phụ nữ vượt qua khó khăn của bản thân để hết mình với sự nghiệp nghiên cứu và phát triển khoa học. Việc xây dựng khung thể chế hữu hiệu nhằm bảo vệ quyền của phụ nữ và hỗ trợ phụ nữ tham gia lao động, đặc biệt là tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với những đặc điểm tự nhiên, đời sống xã hội của phụ nữ nhằm đảm bảo các chính sách pháp luật phù hợp với thực tế và bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

- Tạo môi trường bình đẳng trong nghiên cứu khoa học. Việc nâng cao ý thức về bình đẳng giới trong nghiên cứu khoa học là giải pháp vô cùng quan trọng giúp phụ nữ tự tin, an toàn và dốc sức cống hiến cho khoa học. Khi nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của phụ nữ nói chung và phụ nữ trong hoạt động nghiên cứu khoa học nói riêng bằng việc tăng cường tuyên truyền, giáo dục vừa tạo động lực cho nữ khoa học gia, vừa khẳng định vai trò của phụ nữ đối với nghiên cứu khoa học.

- Đầu tư và mở rộng nghiên cứu các lĩnh vực thế mạnh của các nhà khoa học nữ. Thực tế hiện nay, chủ nhiệm các đề tài phần lớn là các nhà khoa học nam, đặc biệt là các đề tài trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Do đó, cần tăng cường giao các đề tài, dự án cho các nhà khoa học nữ để sử dụng tài năng của họ một cách tối đa.

- Phát triển nguồn nhân lực nữ giới trong lĩnh vực khoa học công nghệ: Có những chính sách phát triển

(Xem tiếp trang 55)

Tài liệu tham khảo

1. Bảo Chính phủ (2021), *Bình đẳng giới để hướng đến phát triển bền vững*, <https://baochinhphu.vn/binh-dang-gioi-de-huong-den-phat-trien-ben-vung-102304145.htm>
2. Endale Alemu Hora (2014), *Factors that Affect Women Participation in Leadership and Decision Making Position*, Asian Journal of Humanity, Art and Literature, (Volume 1, No 2/2014)
3. Bass, Bernard (1990), *From transactional to transformational leadership: learning to share the vision*, Organizational Dynamics, 18, (3), Winter, 1990, 19-31.
4. Endale Alemu Hora (2014), *Factors that Affect Women Participation in Leadership and Decision Making Position*, Asian Journal of Humanity, Art and Literature (Volume 1, No 2/2014)
5. Heilman, M. E. (2012), *Gender stereotypes and workplace bias*, Research in Organizational Behavior.
6. Jago, A.G. (1982), *Leadership: Perspectives in theory and research*, Journal of management science 28(3) 315-332.
7. Johnson, S. K., Murphy, S. E., Zewdie, S., & Reichard, R. J. (2008), *The strong, sensitive type: Effects of gender stereotypes and leadership prototypes on the evaluation of male and female leaders*, Organizational Behavior and Human Decision Processes.
8. Kruse K (2013), *What is leadership?* Forbes, 4 September. Available at: <http://www.forbes.com/sites/kevinkruse/2013/04/09/what-is-leadership> (accessed 17 August 2016).
9. Lyness, K. S., & Judiesch, M. K. (2008), *Can a manager have a life and*

- a career? International and multisource perspectives on work-life balance and career advancement potential*, Journal of Applied Psychology.
10. Marongiu, S., & Ekehammar, B. (1999), *Internal and external influences on women's and men's entry into management*. Journal of Managerial Psychology.
11. Peus, C., & Traut-Mattausch, E. (2008), *Manager and mommy? A cross-cultural comparison*, Journal of Managerial Psychology.
12. Peus, C., Braun, S & Knipfer, K. (2015), *On becoming a leader in Asia and America: empirical evidence from women managers*, Leadership quarterly.
13. Schein, V. E. (2001), *A global look at psychological barriers to women's progress in management*, Journal of Social Issues.
14. Stroh, L. K., Varma, A., & Valy-Durbin, S. J. (2000), *Women and expatriation: Revisiting Adler's findings*. In: M. Davidson & R. Burke (Eds.), Women in management: Current research issues (Vol. 2, pp. 104-119).
15. Trần Thị Minh Đức, Nguyễn Thị Việt Thanh (2015), *"Nữ trí thức với công tác lãnh đạo quản lý"*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Xã hội và Nhân văn, tập 31, số 3 (2015) 1-12.
16. Yang, N., Chen, C. C., Choi, J., & Zou, Y. (2000), *Sources of work-family conflict: A Sino-U.S. comparison of the effects of work and family demands*. Academy of Management Journal.
17. <https://businessjargons.com/leadership-styles.html>
18. *10 nữ tướng quyền lực của doanh nghiệp Việt*, <https://vtc.vn/10-nu-tuo-ng-quyen-luc-cu-a-doanh-nghiep-viet-t-ar664709.html>
19. *Truyền cảm hứng thành công cho doanh nhân nữ*, <https://bnews.vn/truyen-cam-hung-thanh-cong-cho-doanh-nhan-nu/241657.html>

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ...

(Tiếp theo trang 49)

nguồn nhân lực nữ giới như phát triển về số lượng thông qua tuyển dụng nhân lực nữ làm việc trong lĩnh vực khoa học công nghệ, tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng cho nữ khoa học gia và thực hiện tái cơ cấu hợp lý, trao quyền cho các nhà khoa học nữ để họ tự tin, nỗ lực cống hiến cho khoa học.

- Về phía bản thân nữ khoa học gia cũng cần nâng cao nhận thức của bản thân đối với công tác nghiên cứu khoa học. Khi nhận thức được vai trò của mình đối với khoa học, nữ khoa học gia sẽ có những biện pháp cân đối thời gian, vượt qua khó khăn nội tại, theo đuổi đam mê, tâm huyết cống hiến để hoàn thành nhiệm vụ với khoa học.

Nữ khoa học gia không chỉ đóng góp tích cực cho hoạt động nghiên cứu khoa học mà còn là người truyền tri thức cho học viên, sinh viên tại các cơ sở giáo dục đào tạo, góp phần truyền ngọn lửa đam mê, tình yêu và niềm tin về sự nghiệp nghiên cứu khoa học cho các thế hệ trẻ tương lai. □

Tài liệu tham khảo

1. Rutherford. "Marie Curie". *The Slavonic and East European Review*, vol. 13, no. 39, 1935, pp. 673-676. JSTOR, www.jstor.org/stable/4203041. Accessed 18 Dec. 2020.
2. Whaley, Leigh Ann. *Women's History as Scientists*. Santa Barbara, California: ABC-CLIO, INC. 2003.
3. Jump up to: a b "Nobel Prize Awarded Women".
4. UNESCO Science Report: towards 2030 (PDF). Paris: UNESCO. 2020. pp. 84–103. ISBN 978-92-3-100129-1.
5. https://en.wikipedia.org/wiki/Laura_Bassi.
6. https://ipvietnam.gov.vn/hoat-ong-shcn-quoc-te?p_p_id=101&p_p_lifecycle=0&p_p_state=maximized&p_p_mode=view&_101_struts_action=%2Fasset_publisher%2Fview_content&_101_type=content&_101_urlTitle=phu-nu-trong-cong-tac-nghien-cuu-khoa-hoc-va-cong-nghe-vinh-quang-va-thach-thuc.
7. *Luật Bình đẳng giới* (2006) do Quốc hội 11 ban hành ngày 29/11/2006.
8. Luận Thùy Dương (2021), *"Phát huy vai trò của nữ trí thức Việt Nam trong xu thế phát triển khoa học - công nghệ và hội nhập quốc tế"*, Tạp chí Cộng sản.
9. Trần Kiên (2019), *"Giải pháp tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ"*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước.
10. Phạm Phượng (2021), *Những nhà khoa học nữ vì cộng đồng*, (<https://nhandan.com.vn/khoahoc-congnghe/nhung-nha-khoa-hoc-nu-vi-cong-dong-642349/>).